

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHAN HỮU DŨNG**

**QUẢN LÝ CÔNG TÁC**  
**GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN**  
**CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**HUYỆN HOÀ VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục**

**Mã số: 60.14.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC**

**Đà Nẵng, Năm 2014**

Công trình được hoàn chỉnh tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. PHÙNG ĐÌNH MÃN**

Phản biện 1 : **PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH**

Phản biện 2 : **PGS.TS. PHAN MINH TIẾN**

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 07 năm 2014

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Sức khoẻ sinh sản vị thành niên là một trong những nội dung của sức khoẻ sinh sản mà hiện nay được các cấp, các ngành và xã hội đang quan tâm. Trước đây khi chúng ta nói đến sức khoẻ sinh sản thường chỉ tập trung vào nhóm đối tượng các cặp vợ chồng trong diện sinh đẻ, còn nhóm đối tượng vị thành niên ít được nói đến, thậm chí bỏ quên nhóm đối tượng này.

Ở lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở ( THCS) là nhóm đối tượng có sự biến động nhiều về thể chất tinh thần và xã hội, cũng là đối tượng có nguy cơ và dễ bị tổn thương nhất. Ở lứa tuổi này các em thường muốn thể hiện, thích hoạt động giao du với bạn bè, có khát vọng được tham gia các hoạt động văn hoá, tâm sinh lý có thay đổi, hiếu động, thích tò mò. Sự thiếu hiểu biết về giới tính và sức khoẻ sinh sản vị thành niên như về tâm lý, sinh lý tuổi vị thành niên, tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình, về các biện pháp phòng tránh thai, các bệnh viêm nhiễm đường sinh dục, vấn đề hoạt động tình dục sớm là nguy cơ đối với sức khoẻ vị thành niên và nguy cơ lớn nhất cho các em nữ ở lứa tuổi này.

Huyện Hoà Vang có 11 trường THCS, với chất lượng giáo dục và trang bị cơ sở vật chất chưa đồng đều, địa bàn rộng và cách trở. Công tác giáo dục Sức khoẻ sinh sản thực hiện chưa đồng bộ, có nhiều khó khăn. Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài *“Quản lý công tác giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng”*.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng quản lý công tác giáo dục SKSS cho học sinh các trường THCS trên địa bàn

huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, luận văn đề xuất các biện pháp quản lý công tác giáo dục SKSS cho học sinh THCS.

### **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

#### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

- Công tác quản lý giáo dục SKSS cho học sinh THCS.

#### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

- Biện pháp quản lý công tác giáo dục SKSS ở các trường THCS huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng.

### **4. Giả thuyết khoa học**

Công tác quản lí GD SKSS tại các trường vẫn còn nhiều bất cập, chất lượng còn thấp.

Nếu đề xuất và thực thi đồng bộ các biện pháp quản lý công tác giáo dục SKSS cho phù hợp thì hiệu quả công tác giáo dục SKSS cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng sẽ được nâng cao.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Nghiên cứu cơ sở lý luận về vấn đề quản lý công tác giáo dục SKSS cho học sinh THCS.

Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý công tác giáo dục SKSS tại các trường THCS huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng.

Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục SKSS tại các trường THCS huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng.

### **6. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài chỉ khảo sát thực trạng quản lý công tác giáo dục SKSS tại 11 trường THCS thuộc Huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng.

### **7. Phương pháp nghiên cứu**

#### **7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận**

## **7.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

### **7.2.1. Phương pháp điều tra :**

Điều tra trên các đối tượng là cán bộ quản lý, GV 1 số môn của 11 trường THCS.

### **7.2.2. Phương pháp phỏng vấn:**

Phỏng vấn các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh.

### **7.2.3. Phương pháp chuyên gia:**

Lấy ý kiến các chuyên gia về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

### **7.2.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm**

Thông qua tài liệu, văn bản, trao đổi để lựa chọn xây dựng các biện pháp.

## **7.3. Phương pháp thống kê toán học**

Nhằm xử lý kết quả nghiên cứu.

## **CHƯƠNG 1**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

## **1.1. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ**

### **1.1.1. Vấn đề QLGD sức khỏe sinh sản trên thế giới**

Hội nghị Quốc tế về “ Dân số và phát triển” ở Cai – rô ( Ai Cập) năm 1994 có 197 quốc gia tham gia đã đi đến những thoả thuận quan trọng về dân số, về SKSS và nỗ lực xoá đói ở các nước đang phát triển. Từ đó đến nay, các quốc gia trên thế giới đã có sự thay đổi lớn về định hướng chương trình giáo dục ở các nhà trường hiện hành và tập trung vào các nội dung: dân số, giới tính, SKSS.

### **1.1.2. Vấn đề QLGD sức khỏe sinh sản ở Việt Nam**

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà Nước ta đã quan tâm đến vấn đề SKSS VTN. Nhiều hoạt động nhằm tăng cường SKSS VTN đã được tiến hành như: Luật hôn nhân gia đình đã được sửa đổi và công bố; Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em đã được Việt Nam ký kết và nhiều chương trình phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em...

## **1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI**

### **1.2.1. Quản lý, Quản lý giáo dục**

#### ***a, Quản lý***

Quản lý là sự tác động có chủ đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm phát huy tiềm năng của các yếu tố, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và cơ hội của tổ chức, nhằm đảm bảo cho tổ chức vận hành tốt, đạt mục tiêu với chất lượng và hiệu quả tối ưu.

#### ***b, Quản lý giáo dục***

QLGD là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể QL đến khách thể QL nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

### **1.2.2. Quản lý công tác giáo dục sức khỏe sinh sản**

#### ***a, Sức khỏe sinh sản- vị thành niên***

##### **- Vị thành niên**

Theo quy ước của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): VTN là những người trong độ tuổi 10-19.

#### ***b, Sức khỏe sinh sản vị thành niên***

SKSS là trình trạng thoải mái hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, không chỉ đơn thuần là không có bệnh tật hoặc tàn phế của hệ thống sinh sản. Điều này cũng hàm ý là mọi người, kể cả nam và nữ, đều có quyền được nhận thông tin và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các biện pháp

KHHGD an toàn, có hiệu quả và chấp nhận được theo sự lựa chọn của mình, bảo đảm cho người phụ nữ trải qua quá trình thai nghén và sinh đẻ an toàn, tạo cho các vợ chồng cơ may tốt nhất để sinh được đứa con lành mạnh. [27;tr.3].

SKSS VTN là những nội dung nói chung của SKSS nhưng được ứng dụng phi hợp cho lứa tuổi VTN.[15;tr.9]

### ***c, Giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên***

GD SKSS cho VTN là quá trình trang bị cho các em những kiến thức về SKSS Những kiến thức về sự thay đổi về chất cũng như tinh thần, cảm xúc của tuổi dậy thì cho cả hai đối tượng nam và nữ.

### ***d, Quản lý công tác giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh***

Quản lý công tác GDSKSS là một quá trình tác động có tổ chức, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý với khách thể quản lý nhằm đẩy mạnh công tác GDSKSS đạt hiệu quả cao nhất theo mục tiêu mà tổ chức đã đề ra.

## **1.3. GIÁO DỤC SKSS CHO HỌC SINH THCS**

### **1.3.1. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THCS**

- *Sự phát triển về thể chất*
- *Những biến đổi tâm sinh lý.*
- *Sự mất cân bằng tạm thời trong tâm lý và tình cảm.*
- *Tự ý thức và đánh giá về bản thân.*

### **1.3.2. Giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS**

#### ***a, Mục đích của giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh***

Giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS nhằm củng cố và nâng cao kiến thức, hình thành thái độ và hành vi đúng đắn cho học sinh THCS trong các mối quan hệ với bạn bè khác giới.

***b, Nội dung chủ yếu của giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THCS***

GD SKSS cho lứa tuổi VTN là một bộ phận quan trọng trong chiến lược chăm sóc SKSS VTN.

***Làm mẹ an toàn:*** Mục đích là giảm tử vong và bệnh tật ngay từ khi người phụ nữ mang thai.

***Kế hoạch hoá gia đình:*** Thực hiện tốt công tác KHHGD sẽ giảm được số sinh.

***Giảm nạo hút thai:*** Ngăn ngừa có thai ngoài ý muốn, trong trường hợp bất khả kháng, nạo hút thai phải an toàn.

***Sức khỏe VTN:***

Trong GD SKSS cho HS THCS: GD tình dục, nhận thức và quan điểm về tình dục an toàn và lành mạnh, phòng ngừa những BLNQĐTĐ và phòng chống nhiễm HIV/AIDS.

***Các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản:*** BNKĐSS là một bệnh thường gặp nhất ở phụ nữ, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe bản thân người phụ nữ.

***Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục:*** BLNQĐTĐ là những bệnh lây truyền chủ yếu bằng cách tiếp xúc trực tiếp thân thể đặc biệt là quá trình sinh hoạt tình dục. Bệnh có thể lây truyền chủ yếu thường gặp ở những người quan hệ tình dục khác giới [14].

***Sàng lọc và chẩn đoán ung thư vú và các ung thư bộ máy sinh dục:***

***Vô sinh:*** Chăm sóc SKSS không chỉ quan tâm đến bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em (BVSKBMTE), nạo hút thai an toàn hoặc thực hiện tốt công tác KHHGD, mà còn phải quan tâm chăm sóc những người bị vô sinh hoặc khó khăn trong việc có



thai nhằm đem lại hạnh phúc gia đình cho mọi người [14].

***Giáo dục tình dục học:*** Các chương trình GD sẽ giúp các em học sinh về kỹ năng truyền thông; thảo luận về áp lực văn hoá - xã hội thôi thúc lớp trẻ có kiến thức về tình dục.

***Thông tin- Giáo dục-Truyền thông về SKSS:*** Thông tin -giáo dục- truyền thông có một vai trò hết sức quan trọng với mục đích giúp cho mọi người nâng cao được trình độ, nhận thức và hiểu biết do thiếu hụt về kiến thức.

***c, Các phương pháp quản lý giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS***

***\* Nhóm các phương pháp hình thành ý thức và tình cảm cá nhân:*** Đàm thoại, giảng giải, nêu gương.

***\* Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động thực tiễn để hình thành kinh nghiệm ứng xử xã hội cho người được GD:*** Giao việc, tập luyện, rèn luyện.

***\* Nhóm các phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được GD:*** Khen thưởng và trách phạt.

***d, Các hình thức tổ chức giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS***

Công tác Giáo dục sức khoẻ sinh sản cho học sinh THCS có thể tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau:

- *Thông qua các môn học chính khoá trong nhà trường:*
- *Thông qua những hoạt động ngoài giờ lên lớp:*
- *Thông qua các hoạt động xã hội:*

## **1.4. NỘI DUNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH THCS**

### **1.4.1. Quản lý mục tiêu giáo dục SKSS**

Quản lý mục tiêu GD SKSS cho HS THCS là kết quả mà

chủ thể quản lý mong muốn trong quá trình tổ chức thực hiện công tác GD SKSS cho HS.

#### **1.4.2. Quản lý nội dung, chương trình, kế hoạch giáo dục SKSS**

Quản lý nội dung, chương trình, kế hoạch GD SKSS VTN là việc làm cần thiết trong việc nâng cao chất lượng quản lý SKSS cho HS THCS.

##### **1.4.3. Quản lý việc thực hiện phương pháp giáo dục SKSS**

+ *Phương pháp hành chính-pháp luật:*

Phương pháp hành chính pháp luật là tổng thể các tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý.

+ *Phương pháp GD - tâm lý:*

Phương pháp GD tâm lý là tổng thể những tác động lên trí tuệ, tình cảm, ý thức và nhân cách của con người.

- *Phương pháp kích thích*

Phương pháp kích thích là tổng thể những tác động đến con người thông qua lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần.

##### **1.4.4. Quản lý hình thức tổ chức giáo dục SKSS**

Quản lý hình thức tổ chức GD SKSS là quản lý việc tổ chức các hình thức GD SKSS cho HS nhằm đạt được mục đích GD SKSS đề ra.

##### **1.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác GD SKSS**

Để công tác GD SKSS trong nhà trường THCS đạt kết quả cao, ngoài quản lý nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức GD, quản lý các điều kiện hỗ trợ đóng góp một phần không nhỏ nhằm nâng cao hiệu quả công tác GD SKSS cho HS.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT**

##### **2.1.1. Mục tiêu khảo sát**

##### **2.1.2. Đối tượng và địa bàn khảo sát**

Chúng tôi tiến hành chọn các trường THCS trên địa bàn huyện Hoà Vang để nghiên cứu gồm 11 trường THCS

##### **2.1.3. Nội dung khảo sát**

- Nhận thức của CBQL, GV về sự cần thiết trong công tác quản lý, giáo dục SKSS cho học sinh THCS. Thực trạng công tác giáo dục SKSS cho HS các trường THCS huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

##### **2.1.4. Phương pháp khảo sát**

Phiếu thăm dò ý kiến học sinh, GV và CBQL về thực trạng công tác tổ chức và quản lý, giáo dục SKSS tại các trường THCS.

##### **2.1.5. Thời gian và quá trình khảo sát**

Thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2014.

#### **2.2. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

##### **2.2.1. Điều kiện tự nhiên**

Hoà Vang là một huyện ngoại thành bao bọc quanh phía Tây khu vực nội thành thành phố Đà Nẵng.

##### **2.2.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội**

#### **2.3. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.3.1. Tình hình phát triển giáo dục ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

#### ***a, Qui mô phát triển các ngành học, bậc học***

Toàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng hiện có 46 trường gồm 3 bậc học MN, tiểu học, trung học cơ sở, với tổng số học sinh 24132 em.

#### ***b, Kết quả chất lượng giáo dục các ngành học***

#### ***đ, Công tác xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng giáo viên***

#### ***e, Công tác đoàn thể***

### **2.3.2. Tình hình phát triển giáo dục bậc THCS ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**

#### ***a, Về qui mô phát triển trường lớp***

Có 11 trường trên 11 xã, tất cả đều là trường công lập, trong đó có 01 trường có nội trú cho con em dân tộc thiểu số là trường THCS Nguyễn Tri Phương; Tổng diện tích các điểm trường: 106.077 m<sup>2</sup>

#### ***b, Đội ngũ cán bộ, giáo viên***

Tổng số CBGVNV: 597 người, trong đó CBQL: 26 ; GV 482; NV: 89; 99,2% giáo viên đạt chuẩn; trình độ trên chuẩn 69,25%.

#### ***c, Cơ sở vật chất***

Tổng diện tích các điểm trường: 106.077 m<sup>2</sup>

#### ***d, Công tác bồi dưỡng giáo viên***

#### ***đ, Kết quả chất lượng giáo dục hai mặt bậc THCS***

Kết quả cuối năm học 2012 – 2013 về học lực đạt 94.57 % trung bình trở lên ; so với năm học 2011 -2012 tăng 2,32 % , về hạnh kiểm đạt 100% trung bình tăng 0.01% so với năm học 2011-2012.

## 2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH THCS HUYỆN HOÀ VANG – TP. ĐÀ NẴNG

Chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra với:

- 322 học sinh lớp 9 của 11 THCS huyện Hoà Vang
- 44 giáo viên, cán bộ quản lý.

### 2.4.1. Thực trạng nhận thức của học sinh THCS về công tác giáo dục sức khỏe sinh sản

Bảng 2.5. Nhận thức khái niệm của HS về SKSS.

TT	Đối tượng	Học sinh	
		SL	%
1	Một trạng thái hoàn hảo về thể chất, tinh thần và xã hội ở một vấn đề liên quan đến bộ máy sinh sản, đến các chức năng và quá trình hoạt động của nó.	25	7,7
2	Hoạt động giới thỏa mãn và an toàn, có khả năng sinh sản và tự quyết định thời gian sinh con và số con	41	12,7
3	Quyền được thông tin và hưởng các dịch vụ KHHGD an toàn, hiệu quả của phụ nữ và nam giới	30	9,3
4	Ngăn chặn các BLNQĐTD	40	12,4
5	Tất cả các yếu tố trên	186	57,8
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>322</b>	<b>100</b>

Với kết quả trên, cho thấy học sinh lựa chọn nội dung 5 chiếm khá cao (57,8 %) trong tổng số 322 số phiếu phát ra.

\* Về đối tượng chăm sóc SKSS:

Kết quả khảo sát cho thấy đa số HS nắm bắt được đối tượng về chăm sóc SKSS là “Tất cả các đối tượng trên”: 66,1% chọn. Nội dung 1 “Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và trẻ em gái” chiếm 10,9%. Tuy vậy, nội dung 2, 3 vẫn còn một số HS lựa chọn “Phụ nữ và nam giới trong độ tuổi sinh đẻ” chiếm (8,6%); “Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ” chiếm 6,8%. “Phụ nữ nói chung” chiếm (7,4%). Về nguồn thông tin về SKSS. Thông tin đại chúng (chiếm 35,0%) còn nguồn Internet (chiếm 30,1%). Đài, Tạp chí và Sách báo chiếm tỉ lệ thấp, như Đài (35%), Tạp chí (43%) và Sách báo (53%). Từ bố chỉ (1,2%); chị, em gái (7%) và anh, em trai (3,6%). Từ mẹ (23,4%). Chiếm ưu thế nhất là nguồn thông tin từ phía mọi người (59,9%). Nhân viên Y tế (57,1%).

#### **2.4.2. Thực trạng kiến thức về nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THCS**

##### ***Hiểu biết về các biện pháp tránh thai.***

“Sử dụng thuốc uống tránh thai” Biết sử dụng (3,7%), có nghe đến (56,2%), không biết (40,1%); “Thuốc uống tránh thai khẩn cấp” Biết sử dụng (5,2%), có nghe đến (21,8%), không biết (72,9%). “Sử dụng bao cao su” biết sử dụng (7,5%), có nghe đến (63,4%), không biết (29,2%); “Đặt vòng” biết sử dụng (5,0%), có nghe đến (49,1%), không biết (46,0%); “Dùng thuốc tiêm tránh thai” biết sử dụng (0,9%), có nghe đến (38,8%), không biết (60,2%); “Tính vòng kinh” biết sử dụng (3,4%), có nghe đến (21,7%), không biết (74,9%), “Dùng thuốc diệt tinh trùng” biết sử dụng (0,0%) có nghe đến (14,3%), không biết (85,7%). “Xuất tinh ngoài âm đạo” biết sử dụng (2,8%), có nghe đến (20,8%), không biết (76,4%). “Đình sản, triệt sản nam” biết sử dụng (0,6%), có nghe đến (11,2%), không biết

(88,2%). “Đình sản triệt sản nữ” biết sử dụng ( 1,6%), có nghe đến (14,3%), không biết ( 84,2%).

**\* *Hiểu biết của HS về tác hại của việc có thai ngoài ý muốn hoặc nạo phá thai.***

Kết quả trên cho thấy, nội dung “Ảnh hưởng sức khỏe (chảy máu, nhiễm trùng, thủng tử cung” được HS lựa chọn nhiều nhất, (23,0%), tiếp theo là nội dung 5 “ Có thể vô sinh sau này” chiếm tỷ lệ (20,1%). Nội dung “Không có hậu quả gì” (2,6%), các nội dung còn lại từ 10 đến 17% học sinh lựa chọn.

**\* *Hiểu biết của HS về các BLNQĐTD.***

Hầu hết các em đều nhận biết được các BLNQĐTD.

Các em nhận biết HIV/ AIDS là các BLNQĐTD cao nhất: 73%, Bệnh giang mai: 8%, Bệnh lậu : 16%, Viêm gan B: 3%

**\* *Nhận thức về thái độ của HS đối với hành vi quan hệ tình dục:***

Kết quả điều tra trên cho thấy, HS đồng ý với quan niệm “Chỉ quan hệ tình dục chung thủy một vợ một chồng” (83,2%). “ không quan hệ tình dục ở lứa tuổi học sinh” (87,6%) và “không coi quan hệ tình dục là thể hiện tình yêu” (65,2%).

**\* *Nhận thức của HS về căn bệnh HIV/AIDS.***

“Quan hệ tình dục không an toàn chiếm 97,8% ; “Dùng chung kim tiêm” chiếm 86,2%; “Mẹ truyền sang con chiếm 83,2%. Truyền máu: ( 76,7%). Nội dung “Tiếp xúc thông thường” (1,8%) và “ Bắt tay ôm hôn” ( 0,1%) chiếm tỷ lệ thấp nhất.

**\* *Nhận thức của HS về phòng lây nhiễm HIV/AIDS.***

Dùng riêng bơm kim tiêm (83,2%); Không tiêm chích/sử dụng ma túy (80,1%); dùng bao cao su khi có quan hệ tình dục (78,8%), đi găng tay khi tiếp xúc với máu và dịch của người nhiễm

HIV/AIDS (74,8%), truyền máu an toàn (71,7%), chung thủy một vợ một chồng (57,4%); Tránh tiếp xúc với người nhiễm HIV ( 28,8%).

***\*Nhận thức của HS về mức độ cần thiết của vấn đề GD SKSS cho HS THCS.***

Kết quả điều tra cho thấy, ý kiến của HS về GD SKSS: 72.0% cho là rất cần thiết, 21,0% cho là cần thiết. Chỉ có 4,6% cho là không cần thiết.

**2.4.3. Thực trạng về phương pháp, hình thức giáo dục SKSS cho học sinh**

Tỷ lệ đánh giá của HS ở các mức độ sử dụng các phương pháp GD SKSS đều không cao. Đa số các phương pháp đều rơi vào mức độ “Thỉnh thoảng”, “Ít sử dụng”.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy hai hình thức được áp dụng trong trường học cao nhất là “ Trò chuyện, tư vấn trực tiếp” chiếm (72,6%) “Sinh hoạt câu lạc bộ” chiếm (55,2,0%). Các hình thức khác chỉ dưới mức độ trung bình.

**2.4.4. Kết quả giáo dục SKSS cho học sinh THCS**

Kết quả thu được có sự tương đồng trong đánh giá của cán bộ, giáo viên HS trong đó, HS đánh giá ở mức độ rất tốt (2 %); giáo viên (6%), HS nhận mức độ khá (11,0%), giáo viên (6%); Nhận xét của HS về mức độ yếu (7%), giáo viên (3 %). Bình thường theo đánh giá của HS (19 %) và giáo viên (23 %). Đa số học sinh đánh giá Tốt (61%), giáo viên ( 62%).

**2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SKSS CHO HỌC SINH THCS HUYỆN HOÀ VANG**

**2.5.1. Thực trạng công tác kế hoạch hoá**



Bảng 2.13. Về việc xây dựng kế hoạch công tác GD SKSS cho học sinh

TT	Kế hoạch	Mức độ				
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Phát sinh	Không có	Không có ý kiến
1	Kế hoạch cho cả khóa học	29,5	45,4	4,5	11,4	9,1
2	Kế hoạch cho cả năm học	50,0	18,2	9,1	9,1	13,6
3	Kế hoạch cho từng học kỳ	40,9	22,7	9,1	11,4	15,9
4	Kế hoạch cho ngày lễ, kỷ niệm	15,9	25,0	13,6	6,8	38,6

### 2.5.2. Thực trạng công tác tổ chức thực hiện

Kết quả khảo sát trên cho thấy, “Triển khai kế hoạch bằng văn bản” thường xuyên chiếm (25,0%) dưới mức trung bình; không thường xuyên chiếm tỉ lệ rất cao (40,9%) : “Họp cán bộ chủ chốt và hướng dẫn” với mức độ thường xuyên chiếm (13,6%), không thường xuyên chiếm tới (47,7%) ; “Tập trung nghe phổ biến” ở mức độ thường xuyên chiếm (16,0%), không thường xuyên chiếm (55,6%); “Kết hợp các hình thức trên” ở mức độ thường xuyên chiếm (20,4%), mức độ không thường xuyên chiếm (43,2%) và “các hình thức khác” ở mức độ thường xuyên chỉ (3,7%), không thường xuyên chiếm (91,0%).

### 2.5.3. Thực trạng công tác chỉ đạo

Chúng tôi đã khảo sát dựa trên năm mức độ: “Luôn luôn”, “Thường xuyên”, “Thỉnh thoảng”, “Không có” và “Không có ý kiến”. Nhưng tỉ lệ phần trăm ở mức “Thường xuyên” và “Luôn luôn” khá thấp, mức “Thỉnh thoảng” khá cao. Về sự “phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường” có sự phối hợp “Thường xuyên” chiếm (47,7) “Luôn luôn” chiếm (13,6%), “Thỉnh thoảng” chiếm (27,3%); sự “phối hợp giữa nhà trường và xã hội” có sự phối hợp “thường xuyên” chiếm

(22,7%), “Luôn luôn chiếm (18,2%), “Thỉnh thoảng” chiếm (43,2%); Sự “phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội và chính bản thân HS” có sự phối hợp “Thường xuyên chiếm (29,5%), “Luôn luôn” chiếm (15,9%), “Thỉnh thoảng” chiếm (34,1%).

#### **2.5.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá**

Qua kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết việc kiểm tra đánh giá công tác GD SKSS cho học sinh không “Thường xuyên” ( 2.0%) “Thỉnh thoảng” (65,5%). Vẫn còn 32,5% CB đánh giá “Không có” kiểm tra trong công tác này.

### **2.6. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẴN CHO HỌC SINH THCS**

#### **2.6.1. Ưu điểm**

Sự quan tâm, lãnh đạo các cấp, đặc biệt là của ngành Giáo dục Đào tạo, phần lớn cán bộ giáo viên, học sinh đều nhận thức đúng đắn về tính cấp thiết của công tác GDSKSS.

#### **2.6.2. Hạn chế**

Tâm lý e ngại của HS; nhận thức của HS và phụ huynh về vấn đề này chưa cao.

#### **2.6.3. Nguyên nhân**

##### **\* Nguyên nhân khách quan:**

Do áp lực của chương trình đào tạo chính khoá, thời gian dành cho các hoạt động ngoại khoá không nhiều, do vậy, việc tổ chức hoạt động ngoại khoá nhằm nâng cao kiến thức về SKSS cho các em còn bị hạn chế.

##### **\* Nguyên nhân chủ quan:**

Vẫn còn một số cán bộ, GV, phụ huynh và HS có nhận thức đúng về công tác GD SKSS cho HS. Tâm lý của những HS còn e ngại, khi chưa nhận thức đúng đắn thì hiển nhiên hành động sẽ bị sai lệch.

### CHƯƠNG 3

## BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH THCS HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 3.1. CƠ SỞ XÁC LẬP BIỆN PHÁP

### 3.2. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

#### 3.2.1. Những nguyên tắc chính trị - xã hội

- Nguyên tắc tính Đảng, tính giai cấp.
- Nguyên tắc về sự kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân trong quản lý giáo dục.

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

- Nguyên tắc thống nhất của hệ thống các cơ quan quản lý GDSKSS

- Nguyên tắc kết hợp quản lý theo lãnh thổ và quản lý theo ngành

- Nguyên tắc kết hợp lãnh đạo tập thể với trách nhiệm của cá nhân và chế độ một thủ trưởng.

- Nguyên tắc tổ chức quản lý cán bộ

#### 3.2.3. Những nguyên tắc về hoạt động quản lý giáo dục

- Nguyên tắc hiệu quả quản lý.

- Nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích

- Nguyên tắc chuyên môn hóa.

- Nguyên tắc sử dụng phối hợp các phương pháp quản lý

### 3.3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC SỨC KHOẺ SINH SẢN CHO HỌC SINH THCS HUYỆN HOÀ VANG, TP. ĐÀ NẴNG

### **3.3.1., Biện pháp nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh về giáo dục sức khoẻ sinh sản**

#### **- Mục tiêu của biện pháp**

#### **- Nội dung và cách thực hiện biện pháp**

- Mời các cán bộ chuyên gia có trình độ sâu, có kinh nghiệm thực tế có khả năng thích ứng hòa đồng với HS đến tọa đàm trao đổi, giải đáp thắc mắc cho HS.

### **3.3.2. Biện pháp tổ chức thực hiện các chức năng quản lý công tác giáo dục SKSS**

#### **- Mục tiêu biện pháp**

#### **- Nội dung và cách thực hiện biện pháp.**

Nhà trường cụ thể hóa quá trình thực hiện; xác định các nội dung cũng như xác lập các biện pháp thực hiện; xây dựng được một tiến độ thực hiện phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu của công tác GD SKSS cho HS.

### **3.3.3. Biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy giáo dục SKSS cho học sinh THCS**

#### **- Mục tiêu của biện pháp**

#### **- Nội dung và cách thực hiện biện pháp.**

Bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp và kỹ năng, tư vấn về SKSS cho đội ngũ giáo viên.

Tăng cường các tài liệu, giáo trình, phương tiện dạy học hỗ trợ cho giáo viên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu về chủ đề GD SKSS

### **3.3.4. Biện pháp quản lý việc xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp cho phù hợp với đối tượng học sinh THCS**

#### **- Mục tiêu của biện pháp.**

### **- Nội dung cách thực hiện biện pháp**

Các nội dung SKSS trong nhà trường cần được cải tiến, được lồng ghép vào chương trình giảng dạy một số môn như Sinh học và GD công dân. Giáo dục sâu về kiến thức SKSS VTN cho học sinh. Cần tổ chức và nhân rộng nhiều hình thức hoạt động tập thể thu hút sự tham gia của VTN như câu lạc bộ tiền hôn nhân; câu lạc bộ SKSS; câu lạc bộ học trò; câu lạc bộ hoạt động theo sở thích...

### **3.3.5. Biện pháp xây dựng cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ giáo dục SKSS**

#### **- Mục tiêu biện pháp.**

#### **- Nội dung và cách thực hiện các biện pháp.**

Xây dựng môi trường thân thiện cho VTN, các cán bộ tư vấn SKSS cho thấy an toàn, dễ chịu, tin tưởng ở các cơ sở và sẵn sàng quay trở lại đó nêu như có nhu cầu cũng như giới thiệu cho bạn bè của mình tới nhận dịch vụ.

### **3.3.6. Biện pháp xây dựng cơ chế phối hợp quản lý giữa giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân học sinh THCS**

#### **- Mục tiêu**

#### **- Nội dung và cách thực hiện**

#### **- Về phía nhà trường**

- Kết hợp với Trung tâm bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em để tổ chức các buổi tọa đàm, thảo luận về SKSS.

#### **- Về phía gia đình**

- Quan tâm một cách tế nhị lối sống, sinh hoạt hàng ngày của các em.

#### **- Về phía cộng đồng và các tổ chức xã hội**

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tăng

cường tuyên truyền kiến thức đúng đắn về SKSS, sức khỏe tình dục.

**- Bản thân học sinh**

- Tích cực tham gia mọi hoạt động giáo dục nội khóa cũng như ngoại khóa do tập thể lớp, chi đoàn và nhà trường tổ chức.

**- Điều kiện thực hiện**

### **3.4. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP**

Các biện pháp trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động, hỗ trợ cho nhau, vì vậy, cần phải được thực hiện đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm tạo điều kiện để các ngành tham gia trực tiếp vào việc tổ chức GD SKSS cho HS thực hiện một cách có kết quả. Phát huy cao độ việc thực hiện các biện pháp trên, cần phải có mối liên kết đồng bộ. Có như vậy, mức độ tác dụng các biện pháp sẽ mang lại hiệu quả cao nhất.

### **3.5. KHẢO NGHIỆM NHẬN THỨC VỀ TÍNH CẤP THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT**

Qua kết quả khảo nghiệm chúng tôi nhận thấy: Tất cả các biện pháp đều được đại đa số đối tượng khảo sát cho rằng rất cấp thiết và rất khả thi trong công tác GDSKSS cho HS THCS.

Nếu được áp dụng vào thực tế công tác GDSKSS cho học sinh THCS huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng một cách đồng bộ, linh hoạt thì sẽ đạt được hiệu quả cao và tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác GDSKSS, góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục của nhà trường.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

Thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài đề ra, kết quả nghiên cứu luận văn đã làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn sau:

**1.1.** Những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống hiện đại khiến chúng ta cần quan tâm vì mục đích nhân văn cao cả: dân số, chất lượng dân số, SKSS, sức khỏe tình dục... Hội chuông cảnh báo đã vang lên buộc giới trẻ, nhất là những con người đang trong quá trình tiếp thu tri thức tiên tiến để chuẩn bị hành trang cho tương lai, những con người cần bồi dưỡng tình cảm nhận thức đúng đắn để có khả năng trở thành những chủ nhân tương lai của trái đất. Thanh niên nói chung, HS nói riêng đã đến độ tuổi cần có những hiểu biết sâu sắc, có nhu cầu về tình dục, về SKSS. Nếu cứ trì hoãn quá trình tiếp nhận thông tin để nâng cao nhận thức của họ thì hậu quả sẽ rất đáng tiếc. Việc trao đổi, chia sẻ, trò chuyện một cách bình đẳng, việc tổ chức hoạt động và thảo luận nhóm trong các câu lạc bộ sẽ thật hữu ích cho việc nâng cao nhận thức cho họ. Điều này đòi hỏi nhà quản lý giáo dục phải có những biến đổi từ nhận thức đến hành động trong công tác này.

Giới trẻ Việt Nam không thể nào thờ ơ với những điều đó. SKSS của thanh niên nói chung và HS THCS nói riêng có ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống. Vì vậy, các nhà trường vừa cung cấp tài liệu, thông tin liên quan còn phải nâng cao trách nhiệm, phát triển nhận thức, giáo dục đạo đức lối sống cho người học. Giáo dục và quản lý GDSKSS cho HS là trách

nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức xã hội và nhà trường. Đây là một công việc đòi hỏi sự phối kết hợp nhuần nhuyễn giữa các lực lượng, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm, sự hy sinh cao cả của những người làm công tác giáo dục và quản lý giáo dục. Nền tảng pháp lý đã được Đảng và Nhà nước ta hoạch định bằng hệ thống văn bản pháp quy. Trên cơ sở đó, nhà trường Việt Nam, giới trẻ, nhất là HS Việt Nam cần phải nhận thức rõ vai trò của mình trong việc phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, về mục đích đào tạo con người Việt Nam hiện đại, có đủ trình độ năng lực, có sức khỏe tốt để hoàn thành trọng trách trong tương lai. Bởi con người là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, đầu tư cho con người là đầu tư cho tương lai.

**1.2. Công tác giáo dục SKSS cho HS THCS huyện Hòa Vang** bên cạnh những ưu điểm vẫn còn có nhiều bất cập: Hiểu biết của HS về những vấn đề liên quan chủ yếu có được từ các nguồn trên các phương tiện thông tin đại chúng, từ bạn bè và cha mẹ hơn là phía nhà trường. Chương trình, nội dung về vấn đề này chưa được triển khai đồng bộ, chưa phong phú đa dạng để có thể đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Phương pháp triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả; hình thức triển khai nghèo nàn. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động chưa đáp ứng được thực tiễn. Sự phối hợp giữa các lực lượng, trong đó nhà trường là trung tâm chưa được chặt chẽ, thường xuyên.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý công tác GDSKSS cho HS các trường THCS huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, chúng tôi đề xuất các biện pháp:



- Biện pháp nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh về giáo dục sức khỏe sinh sản
- Biện pháp tổ chức thực hiện các chức năng quản lý công tác giáo dục SKSS
- Biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy giáo dục SKSS cho học sinh THCS
- Biện pháp quản lý việc xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp cho phù hợp với đối tượng học sinh THCS
- Biện pháp xây dựng cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ giáo dục SKSS
- Biện pháp xây dựng cơ chế phối hợp quản lý giữa giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân học sinh THCS

Các biện pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo con người một cách toàn diện, giúp nhà trường có những sản phẩm theo định hướng của Đảng và Nhà nước trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, sản phẩm đó sẽ ngày càng đáp ứng được nhu cầu khắt khe của xã hội.

## **2. KHUYẾN NGHỊ**

### **2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đưa GD SKSS vào trường THCS như một nội dung GD chính thống, có nội dung phù hợp với mỗi cấp học. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý về những chủ đề liên quan đến SKSS VTN.

### **2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng**

Có kế hoạch thường kỳ, chỉ đạo công tác GD SKSS cho HS và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên để họ thực hiện tốt nhiệm vụ GD SKSS cho HS.

### **2.3. Đối với UBND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng**

- Chỉ đạo các phương tiện truyền thông của Huyện tuyên truyền với phụ huynh học sinh cần có nhận thức đúng vị trí vai trò của gia đình trong quá trình GD HS, tạo điều kiện thuận lợi để các em học tập và rèn luyện.

### **2.4. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng**

Thường xuyên tập huấn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động, tăng cường trang thiết bị cho các đơn vị trường học để phục vụ giảng dạy tốt công tác GDSKSS cho học sinh.

### **2.5. Đối với các trường THCS**

Lập kế hoạch cụ thể về GD SKSS và quản lý SKSS cho HS, nâng cao nhận thức và quy định trách nhiệm cho từng thành viên, từng bộ phận trong Hội đồng-sư phạm.

Tăng cường các tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội, tập thể, tạo ra sân chơi lành mạnh, cung cấp cho HS nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng hành vi, lối sống lành mạnh.